

Số: /QĐ-BSR

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Thuê tàu vận chuyển  
LPG Dung Quất năm 2025-2026”**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Quyết định số 2710/QĐ-BSR ngày 17/04/2023 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Quyết định số 4730/QĐ-BSR ngày 09/12/2020 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế mua sắm hàng hóa và dịch vụ của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-BSR ngày 06/01/2025 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt kế hoạch mua sắm hàng hóa và dịch vụ năm 2025 và các đơn hàng dài hạn các năm tiếp theo (2026-2028) của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Quyết định số 4548/QĐ-BSR ngày 20/12/2024 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt kết quả đàm phán gia hạn Hợp đồng thuê tàu vận chuyển LPG Dung Quất năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 256/QĐ-BSR ngày 22/01/2025 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt Phạm vi công việc, Dự toán, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và nội dung chính của Hồ sơ mời thầu gói thầu “Thuê tàu vận chuyển LPG Dung Quất năm 2025-2026”;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 952/TTr-BSR ngày 21/03/2025 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu gói thầu “Thuê tàu vận chuyển LPG Dung Quất năm 2025-2026”,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Thuê tàu vận chuyển LPG Dung Quất năm 2025-2026” với các nội dung như sau:

- Tên Nhà thầu trúng thầu: Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt;
- Giá trúng thầu: **831.955.278.000 VND** (Bằng chữ: Tám trăm ba mươi một tỷ, chín trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi tám ngàn đồng chẵn). Chi tiết đơn giá cước như Phụ lục đính kèm;

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày 01/4/2025 đến hết ngày 31/12/2026.

**Điều 2.** Giao Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện các công việc tiếp theo tuân thủ quy định hiện hành, đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Điều 3.** Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Ban Giám đốc Nhà máy, Trưởng các Ban chức năng liên quan trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TV HĐQT;
- BKS;
- TGD;
- GĐNM;
- PTGD: M.T.Đạt, T.T.Bảo;
- Ban: KD, ĐDSX, TMDV, PCRR, TCKT, QLCB, KTNB;
- Lưu: VT, VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



## Phụ lục 01 – Đơn giá cước vận chuyển

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BSR ngày tháng năm 2025)

- Đơn giá cước vận chuyển:

TUYẾN VẬN CHUYỂN		Đơn giá cước (VNĐ/tấn)
DUNG QUÁT	GÒ DẦU, ĐỒNG NAI	1.823.914
	KHU VỰC CẢNG TP HCM	1.947.686
	SOPET, NHƠN TRẠCH, VTGAS, SCT GAS (VGAS), HỒNG MỘC - ĐỒNG NAI	1.880.824
	VŨNG RÔ, PHÚ YÊN	1.531.200
	LONG AN	1.993.112
	CẦN THƠ	2.189.871
	HẢI PHÒNG	1.832.336
	NGHỆ AN	1.806.816
	NGHI SƠN	1.819.576
	QUẢNG NAM/ ĐÀ NẴNG	1.196.378
	VŨNG ÁNG, HÀ TĨNH	1.738.422
	BA NGÒI, CAM RANH - KHÁNH HÒA	1.546.257
	DIÊM ĐIỀN-THÁI BÌNH	1.832.336

- + Đơn giá cước trên chưa bao gồm thuế GTGT, dỡ hàng tại 01 cảng, đơn giá đã bao gồm chi phí đảm bảo giao hàng cho Bên A qua mặt bích manifold của tàu tại cảng dỡ. Dỡ hàng tại 02 cảng giá cước không thay đổi.
- + Nếu dỡ hàng từ cảng thứ 03 trở lên giá cước sẽ được cộng thêm 56.888 VNĐ/Tấn (chưa bao gồm thuế GTGT) cho lượng hàng dỡ tại cảng đó.
- + Trong trường hợp Bên A chấp thuận tàu già trên 30 tuổi hoạt động theo chính sách thanh kiểm tra tàu của Bên A (tàu mang quốc tịch Việt Nam) thì Bên B phải chịu phần chi phí bảo hiểm hàng hóa tăng thêm áp dụng cho tàu già (phụ phí tàu già) với mức giá cước được trừ đi 6.542 VNĐ/tấn (chưa bao gồm thuế GTGT).
- + Giá trị thanh toán của hợp đồng sẽ căn cứ theo khối lượng thực tế thực hiện.
- + Nguyên tắc điều chỉnh đơn giá cước vận chuyển do biến động giá nhiên liệu DO/FO:
  - Trong trường hợp giá dầu nhiên liệu DO/FO của Việt Nam biến động (tăng/giảm quá 05%, DO chiếm 40%, FO chiếm 60%) theo thông báo của Petrolimex cho DO (0.05S) và FO 180cst (0.5S) so với giá dầu DO/FO tại thời điểm điều chỉnh giá cước vận chuyển gần nhất thì đơn giá cước vận chuyển sẽ được điều chỉnh theo công thức: Giá cước điều chỉnh mới = Giá cước hiện tại x (1 ± tỷ lệ % mức tăng/giảm nhiên liệu nhân với tỷ lệ % chi phí nhiên liệu (45%)).
  - Mức tăng/giảm giá cước vận chuyển theo biến động giá nhiên liệu trong năm 2025 được điều chỉnh tăng/giảm trong phạm vi ±7,5%.
  - Đơn giá cước vận chuyển năm 2026 bắt đầu áp dụng cho các chuyến tàu có thời gian nói ồng từ thời điểm 00 giờ 01 phút ngày 01/01/2026 bằng đơn giá cước

điều chỉnh cuối cùng theo biến động giá nhiên liệu của năm 2025. Mức tăng/giảm giá cước vận chuyển theo biến động giá nhiên liệu trong năm 2026 được điều chỉnh tăng/giảm trong phạm vi  $\pm 7.5\%$ .

- Giá nhiên liệu DO/FO làm cơ sở để điều chỉnh cước cho lần tiếp theo là giá nhiên liệu DO/FO theo thông báo của Petrolimex tại thời điểm hai Bên ký kết Hợp đồng.
- Tùy theo tình hình vận chuyển thực tế, nhà thầu có thể bố trí các tàu vận chuyển có tính năng tương đương, được hai bên thống nhất cụ thể bằng văn bản trên cơ sở đủ điều kiện vào làm hàng tại Cảng xuất sản phẩm của NMLD Dung Quất và cảng dỡ hàng.
- Trong trường hợp thị trường có các yếu tố biến động bất thường ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng thì hai bên sẽ cùng trao đổi để có giải pháp hài hòa lợi ích của hai bên.

